

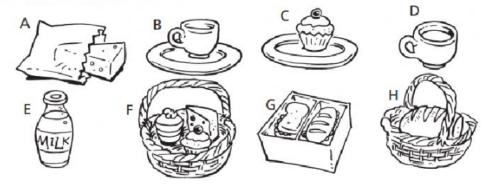
Vocabulary: New words and speaking (page 76)

bread (n) /bred/	cheese (n) /tfi:z/	milk (n)/mɪlk/	sandwich (n) /ˈsænwɪtʃ/
bánh mì	phô mai	sữa	bánh kẹp
basket (n) /'ba:skit/	bottle (n) /'bɒtl/	plate (n) /plest/	cup (n) /kлp/
cái rổ	cái chai	cái dĩa	cái tách
jumper (n) /ˈdʒʌmpə(r)/ áo chui đầu			





1 Read and match.



- 1 There is a cake on a plate. ___ 2 There is bread in a basket. _
- 3 There is a plate under a cup. ___ 4 There is milk in a cup.
- 5 There are sandwiches in a box.___ 6 There is cheese in a bag. ___
- 7 There is milk in a bottle. ____ 8 There are cakes in a basket.

Con viết lại từ đúng:

rdbae	eechse	ilkm	dasnwcih
	<u> </u>	775	
bánh mì	phô mai	sữa	bánh kẹp
b a k et s	elttob	laetp	рси
A		8	
cái rổ	cái chai	cái dĩa	cái tách